

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1027/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch tiêm vắc xin
phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Thực hiện Chỉ thị số 25/2005/CT-TTg ngày 12/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí thực hiện kế hoạch hành động khẩn cấp phòng, chống dịch cúm gia cầm;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ/BNN-TY ngày 23/02/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch tiêm vắc xin phòng bệnh cúm gia cầm năm 2006;

Xét Công văn số 423/SNN và PTNT ngày 03/4/2006 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị thẩm định kế hoạch tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 và đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 445/TC-HCSN ngày 13/4/2006 về việc tham gia kế hoạch và kinh phí tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung sau:

1/ Mục tiêu kế hoạch:

- Tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 nhằm tiếp tục thực hiện kế hoạch quốc gia tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm giai đoạn 2005-2006.

- Tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm đồng thời với việc tổ chức chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, thực hiện công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, quản lý việc

mua bán, giết mổ, vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm nhằm ngăn ngừa dịch cúm gia cầm tái phát và lây sang người.

2/ Đối tượng và phạm vi tiêm phòng:

2.1- Đối tượng tiêm phòng: Đối tượng tiêm phòng là gà, vịt. Cụ thể:

- Đối với gà, vịt giống đẻ trứng thương phẩm, đã tiêm phòng 2 mũi trong năm 2005 thì tiến hành tiêm tiếp mũi thứ 3 cách mũi thứ 2 là 5 tháng.

- Đối với gà, vịt giống đẻ trứng thương phẩm chưa được tiêm phòng thì tiến hành tiêm 2 mũi, mũi thứ 2 cách mũi thứ nhất là 28 ngày.

- Thời gian tiêm sớm nhất đối với gà, vịt là 14 ngày tuổi (không tiêm cho vịt con, vịt nuôi thịt nuôi trong thời gian tạm ngừng ấp nở, nuôi mới đến hết ngày 28/02/2007).

** Tiêm phòng bắt buộc, không bỏ sót đối với toàn bộ các đàn vịt giống đẻ trứng thương phẩm hiện có mặt trên địa bàn toàn tỉnh trong năm 2006.*

2.2- Phạm vi tiêm phòng:

a) Đối với các huyện đồng bằng và thành phố Quảng Ngãi: Tiêm phòng toàn bộ tại 114 xã của 6 huyện và thành phố Quảng Ngãi.

b) Đối với các huyện miền núi: Tiêm phòng tại 21 xã dọc các tuyến tỉnh lộ và Quốc lộ có nguy cơ cao theo đề nghị của Chi cục Thú y.

3/ Số lượng, chỉ tiêu, định mức và lượng vắc xin sử dụng tiêm phòng:

3.1- Số lượng gia cầm thuộc diện phải tiêm:

Tổng số: 1.295.000 con. Trong đó:

- Gà: 745.000 con.

- Vịt: 550.000 con.

3.2- Chỉ tiêu tiêm phòng cho gia cầm năm 2006:

Chỉ tiêu tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm ở các địa phương và trên toàn tỉnh phải đạt từ 80 % trở lên ở mỗi đợt tiêm cũng như cả năm (2 đợt) trên từng đối tượng gà, vịt trong diện phải tiêm phòng.

3.3- Định mức tiêm phòng:

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện đồng bằng và thành phố Quảng Ngãi thì định mức tiêm phòng phải đạt tối thiểu đối với tổ tiêm phòng 03 người là 800 con gia cầm/tổ/ngày.

- Đối với các huyện miền núi thì định mức tiêm phòng phải đạt tối thiểu đối với tổ tiêm phòng 03 người là 250 con gia cầm/tổ/ngày.

3.4- Lượng vắc xin sử dụng tiêm phòng trong năm 2006:

Tổng số vắc xin cần sử dụng trong năm 2006:	2.590.000 liều 0,5 ^{ml}
- Vắc xin H5N2 tiêm cho gà là:	1.490.000 liều 0,5 ^{ml}
- Vắc xin H5N1 tiêm cho vịt là:	1.100.000 liều 0,5 ^{ml}

Trong đó:

+ Lượng vắc xin cấp trong năm 2006:	1.768.500 liều 0,5 ^{ml}
* Vắc xin H5N2 tiêm cho gà là:	1.103.500 liều 0,5 ^{ml}
* Vắc xin H5N1 tiêm cho vịt là:	665.000 liều 0,5 ^{ml}
+ Lượng vắc xin còn thừa của năm 2005:	821.500 liều 0,5 ^{ml}
* Vắc xin H5N2 tiêm cho gà là:	386.500 liều 0,5 ^{ml}
* Vắc xin H5N1 tiêm cho vịt là:	435.000 liều 0,5 ^{ml}

4/ Thời gian tiêm phòng: Chia làm 2 đợt trong năm 2006, cụ thể:

- Đợt 1: Từ ngày 01 - 10/6/2006.
- Đợt 2: Từ ngày 15 - 24/11/2006.

5/ Kinh phí:

5.1- Định mức chi:

- Mức chi hỗ trợ cho lực lượng tham gia tiêm phòng bình quân 40.000 đồng/người/ngày đối với 01 tổ tiêm phòng 03 người và phải tiêm đạt từ 800 con gia cầm/tổ/ngày trở lên (ở huyện đồng bằng và thành phố Quảng Ngãi); 250 con gia cầm/tổ/ngày trở lên (các huyện miền núi).

- Mức chi hỗ trợ cho các đối tượng là: cán bộ tỉnh, huyện chỉ đạo công tác tiêm phòng ngày thứ 7, chủ nhật; cán bộ Chi cục Thú y tham gia trực tiếp công tác tiêm phòng; lực lượng giám sát sau tiêm phòng là 30.000 đồng/người/ngày.

5.2- Tổng kinh phí cho KH tiêm phòng năm 2006: 1.362 triệu đồng

Trong đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh: 1.200 triệu đồng

Gồm:

+ Chi phí trực tiếp thực hiện các nội dung công việc: 1.137 triệu đồng

* Bồi dưỡng lực lượng tham gia tiêm phòng: 333 triệu đồng

* Bồi dưỡng cán bộ tham gia tiêm phòng và lực lượng giám sát sau tiêm phòng:	251 triệu đồng
* Mua dụng cụ, vật tư tiêm phòng:	283 triệu đồng
* Chi nghiệp vụ giám sát lâm sàng sau tiêm phòng:	134 triệu đồng
* Chi tổ chức triển khai và tập huấn:	136 triệu đồng
+ Dự phòng chi:	63 triệu đồng
b) Ngân sách cấp huyện:	162 triệu đồng

Gồm các mục chi thực hiện như: họp triển khai, sơ tổng kết rút kinh nghiệm Ban chỉ huy cấp xã, phường, thị trấn và thông tin tuyên truyền trên đài truyền thanh xã.

5.3- Cấp phát và thanh quyết toán kinh phí:

Sau khi Kế hoạch tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm tra để làm cơ sở thực hiện và thanh quyết toán kinh phí phân bổ cho Chi cục Thú y. Đối với kinh phí phân bổ cho các huyện, thành phố, Sở Tài chính trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố để chi trả các khoản chi phí phục vụ tiêm phòng.

Thanh quyết toán kinh phí thực hiện tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm theo kế hoạch tiêm phòng được duyệt phải theo thực tế phát sinh và đúng qui định hiện hành của nhà nước. Số lượng gia cầm được tiêm phòng phải có xác nhận của tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia cầm, cán bộ và lực lượng tham gia tiêm phòng phải có xác nhận của chính quyền địa phương.

Sau khi kết thúc từng đợt tiêm phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, quyết toán chi phí của các đơn vị trực thuộc, gửi Sở Tài chính thẩm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định bổ sung dự toán chi (nếu có phát sinh) cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thành phố.

6/ Tổ chức thực hiện:

6.1- Công tác chỉ đạo điều hành:

- UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành công tác tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm, đồng thời phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan để triển khai thực hiện tốt kế hoạch tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 trên địa bàn và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về số liệu thống kê gà vịt trong diện phải tiêm phòng trong năm 2006, kết quả tiêm phòng, bổ sung kinh phí và sử dụng kinh phí phục vụ tiêm phòng đúng mục đích.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chỉ đạo Chi cục Thú y tổ chức mua dụng cụ, trang thiết bị, tiếp nhận vắc xin đúng thời gian, đủ số lượng theo kế hoạch được cấp để phân bổ kịp thời cho các địa phương tổ chức tiêm phòng theo tiến độ, đúng với qui định của nhà nước.

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tiêm phòng gia cầm năm 2006, đồng thời chuẩn bị đầy đủ kinh phí, vật tư, con người phục vụ tốt cho việc triển khai thực hiện kế hoạch tiêm phòng đúng qui định.

- Các thành viên Ban chỉ huy tiêm vắc xin phòng bệnh cúm gia cầm của tỉnh căn cứ địa bàn, nhiệm vụ được phân công tích cực chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra, giúp đỡ các địa phương thực hiện đúng tiến độ thời gian tiêm phòng của Kế hoạch này, tiêm phòng đạt kết quả cao nhất, tổng hợp báo cáo phản ánh tình hình kịp thời cho thường trực BCH tiêm vắc xin phòng bệnh cúm gia cầm của tỉnh (thông qua Sở NN và PTNT).

6.2- Công tác thông tin tuyên truyền:

- Tuyên truyền rộng rãi nhiều lần, bằng nhiều hình thức thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, Panô, áp phích, tờ rơi, xe lưu động... để nhân dân nắm bắt kịp thời, đầy đủ về tác dụng của việc tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm, góp phần nâng cao ý thức phòng, chống dịch cúm gia cầm trong cộng đồng; đồng thời vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia đầy đủ các đợt tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm trong năm 2006.

- Các Sở, Ban, ngành có liên quan phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở triển khai công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng tạo nên phong trào hưởng ứng rộng khắp trong nhân dân toàn tỉnh kể cả vùng sâu, vùng xa, hải đảo để phục vụ công tác tiêm phòng vắc xin phòng dịch cúm gia cầm trong năm 2006 đạt kết quả.

- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi dành một thời lượng nhất định để phát sóng tuyên truyền, ít nhất là 01 tháng 01 lần (12 lần cho cả năm 2006).

- Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung thông tin tuyên truyền để thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh, tổ chức in ấn đủ tờ rơi, tờ tin chuyên đề để cấp phát rộng rãi cho nhân dân biết.

6.3- Phương pháp thực hiện:

- Trước khi tiêm phòng từ 1 - 2 ngày, UBND các xã, phường, thị trấn phải chỉ đạo Ban chỉ huy cơ sở sử dụng các phương tiện thông tin (như loa cầm tay, xe cơ động, đài truyền thanh) thông báo rộng rãi, nhiều lần để nhân dân biết lịch, thời gian,

địa điểm tiêm phòng, chủ động nhốt gia cầm tại chuồng vào tối hôm trước để sẵn sàng cho tiêm phòng vào sáng hôm sau.

- Những hộ có chăn nuôi gia cầm trong diện phải tiêm phòng, nếu có số lượng dưới 50 con thì phải mang gia cầm đến địa điểm để tiêm phòng; nếu có số lượng từ 50 con trở lên thì cán bộ tiêm phòng phải đến nơi chăn nuôi để tiêm phòng. ***Tuyệt đối nghiêm cấm việc cấp vắc xin cho chủ hộ tự tiêm phòng.***

- Khi tiêm phòng, chủ hộ phải tự bắt giữ gia cầm của mình để cán bộ tiêm phòng thực hiện việc tiêm vắc xin; trước và sau khi tiêm phòng bắt buộc phải nhốt gia cầm không được thả tự do.

- Địa điểm tiêm phòng ở từng xã, thôn, xóm phải do BCH tiêm phòng cấp xã lựa chọn và qui định cụ thể; địa điểm tiêm phòng phải ở trung tâm, thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân khi mang gia cầm đến điểm tiêm phòng, đồng thời phải bảo đảm cách ly an toàn với khu dân cư, dễ vệ sinh tiêu độc khử trùng.

6.4- Chế độ báo cáo:

Hàng ngày trước 16 giờ 30 phút, BCH tiêm vắc xin phòng bệnh cúm gia cầm các huyện, thành phố phải báo cáo nhanh diễn biến tình hình tiêm phòng trên địa bàn của mình về BCH tiêm phòng tỉnh (qua Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp).

6.5- Đánh giá, tổng kết công tác tiêm phòng:

- UBND các huyện, thành phố sau mỗi đợt tiêm phòng cần sơ kết rút kinh nghiệm và chỉ đạo cho lần tiêm tiếp theo.

- Sau lần tiêm phòng cuối năm 2006, tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện việc tiêm phòng ở địa phương mình và khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- UBND tỉnh họp giao ban với các huyện, thành phố, các ngành liên quan trước và sau mỗi đợt tiêm phòng; tổ chức sơ, tổng kết công tác tiêm phòng năm 2006 và khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực BCH phòng chống dịch cúm gia cầm của tỉnh) chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tiêm vắc xin phòng dịch cúm gia cầm năm 2006 trên địa bàn Quảng Ngãi.

Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm tra, cấp phát kinh phí kịp thời theo tiến độ để đảm bảo thực hiện đạt 100 % chỉ tiêu kế hoạch; đồng thời phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn xét duyệt quyết toán chi phí, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung ngân sách để thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Tây Trà, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trương Ngọc Nhi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1081/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp
năm học 2005-2006 và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2006-2007**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế thi tốt nghiệp và tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 390/TT-GDDT ngày 19/4/2006 và Tờ trình số 392/TT-GDDT ngày 19/4/2006 về việc tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp năm học 2005-2006 và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2006-2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp năm học 2005-2006 và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2006-2007 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch nêu tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy chế thi tốt nghiệp và tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Văn hoá - Thông tin, Y tế, Điện lực tỉnh, Bưu điện tỉnh, Công an tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp năm học 2005-2006 và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2006-2007

(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A/ MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

Tổ chức thực hiện các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh trên địa bàn tỉnh theo đúng quy chế thi tốt nghiệp và tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo an toàn, chính xác, trung thực và khách quan trong thi cử.

B. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC KỲ THI TỐT NGHIỆP VÀ TUYỂN SINH CÁC LỚP ĐẦU CẤP.

I/ Kế hoạch và tiến độ tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp năm học 2005-2006:

1/ Tháng 5/2006:

- Hoàn thành việc thành lập Hội đồng coi thi.
- Điều động cán bộ coi thi, chấm thi.
- Kiểm tra công tác chuẩn bị.
- Tổ chức sao in đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và Bỏ túc Trung học phổ thông.
- Tổ chức Hội nghị thi lần 2.
- Tổ chức thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và Bỏ túc Trung học phổ thông: Ngày 31/5/2006, ngày 01, 02/6/2006.

2/ Tháng 6/2006:

- Tổ chức chấm thi và xét tốt nghiệp.
- Tổ chức chấm phúc khảo bài thi.
- Trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét duyệt kết quả thi.

II/ Kế hoạch tổ chức tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2006-2007:

1, Phương thức tuyển sinh:

1.1. Tuyển sinh vào lớp 6 Trung học cơ sở (THCS):

Theo phương thức xét tuyển đối với học sinh đã tốt nghiệp Tiểu học trên địa bàn của từng huyện, thành phố. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được Sở Giáo dục và Đào

tạo giao, Trưởng phòng Giáo dục có kế hoạch phân bổ số học sinh cho từng trường Trung học cơ sở, các cơ sở Giáo dục thường xuyên.

1.2. Tuyển sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông (THPT):

Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển đối với các trường THPT công lập trong tỉnh theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Đối với những trường có tỉ lệ học sinh đăng ký dự tuyển không vượt quá 1,2 lần so với chỉ tiêu tuyển sinh thì tiến hành xét tuyển.

- Đối với những trường có tỉ lệ học sinh đăng ký dự tuyển lớn hơn 1,2 lần so với chỉ tiêu tuyển sinh thì tiến hành xét tuyển kết hợp với thi tuyển.

- Đối với những trường THPT bán công, tiến hành xét tuyển theo chỉ tiêu được giao, lấy kết quả của kỳ thi vào lớp 10 công lập, xét từ trên xuống theo địa bàn huyện, thành phố.

- Đối với các trường dân lập, tự thực xét học sinh đã tốt nghiệp Trung học cơ sở trong địa bàn toàn tỉnh.

2. Thời gian tuyển sinh:

Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào mỗi loại hình trường và điều kiện thực tế thành lập Hội đồng tuyển sinh, tổ chức ngày thi tuyển, duyệt tuyển sinh.

Riêng đối với các lớp chuyên của Trường THPT chuyên Lê Khiết tổ chức thi tuyển trước 15 ngày so với các trường THPT công lập.

3. Địa bàn và chỉ tiêu tuyển sinh :

3.1. Tuyển sinh vào lớp 6 THCS:

Tuyển học sinh hoàn thành chương trình tiểu học. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể về công tác tuyển sinh.

3.2 Tuyển sinh vào lớp 10 THPT:

a, Tuyển vào các lớp chuyên của Trường THPT chuyên Lê Khiết:

- Đối với các lớp chuyên, tiến hành thi tuyển đối với học sinh đã tốt nghiệp lớp 9 trong toàn tỉnh, kèm theo điều kiện dự thi theo đúng qui chế hiện hành.

- Đối với 200 chỉ tiêu tuyển sinh trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thực hiện theo quy định như các trường THPT công lập khác theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

b, Tuyển vào trường THPT công lập:

- Học sinh ở địa bàn các huyện, thành phố được đăng ký dự tuyển (xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển) vào một trong những trường THPT trên địa bàn huyện, thành phố.

- Ngoài ra, một số học sinh có hộ khẩu thường trú ở xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành được dự tuyển vào một trong các trường THPT trong huyện Nghĩa Hành

hoặc trường THPT số 2 Mộ Đức. Học sinh ở xã Phở An, Phở Phong, Phở Thuận, huyện Đức Phổ được phép dự thi vào trường THPT Trần Quang Diệu, huyện Mộ Đức hoặc dự thi vào một trong các trường THPT trong huyện Đức Phổ. Trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

c, Tuyển vào trường THPT bán công:

Xét tuyển học sinh ở địa bàn các huyện, thành phố có trường bán công được đăng ký dự tuyển xét tuyển vào trường THPT bán công trên địa bàn huyện, thành phố đó. Những học sinh không trúng tuyển vào trường công lập nhưng trên địa bàn không có trường bán công thì được xét tuyển vào trường THPT bán công gần nhất.

d, Tuyển vào trường THPT dân lập, tư thục:

Xét tuyển học sinh đã tốt nghiệp THCS trong địa bàn toàn tỉnh.

3.4 Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 THCS theo kế hoạch đã giao cho các phòng Giáo dục huyện, thành phố.

- Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT:

TT	Tên trường THPT	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Công lập	Ngoài công lập	
1	Chuyên Lê Khiết	350		HS chuyên
		335		(có 200HS t.phố)
2	Trần Quốc Tuấn	650		
3	Bình Sơn	650		
4	Vạn Tường	650	100	Hệ B trường công
5	Trần Kỳ Phong	600		
6	Lý Sơn	290	50	Hệ B trường công
7	Số 1 Sơn Tịnh	650		
8	Ba Gia	700		
9	Sơn Mỹ	650		
10	Số 1 Nghĩa Hành	650		
11	Số 2 Nghĩa Hành	280	100	Hệ B trường công
12	Số 1 Tư Nghĩa	700		
13	Số 2 Tư Nghĩa	500	150	Hệ B trường công
14	Thu Xà	550		
15	Số 1 Mộ Đức	550		
16	Số 2 Mộ Đức	640		
17	Trần Quang Diệu	600		200HS Đức Phổ
18	Số 1 Đức Phổ	650		
19	Số 2 Đức Phổ	600		
20	Minh Long	160		
21	Ba Tơ	530		
22	Sơn Hà	750		
23	Trà Bồng	460		
24	Tây Trà	160		

25	Đình Tiên Hoàng	150		
26	Lê Trung Đình		550	Hệ bán công
27	Lê Quý Đôn		800	„
28	Huỳnh Thúc Kháng		1.000	„
29	Chu Văn An		700	„
30	Nguyễn Công Phương		450	„
31	Nguyễn Công Trứ		700	„
32	Lương Thế Vinh		1.000	„
33	Hoàng Văn Thụ		250	Hệ Dân lập
34	Trương Định		400	„
35	Nguyễn Bình Khiêm		600	Hệ Tư thực
36	Dân tộc Nội trú tỉnh	90		Nội trú dân tộc
	Tổng cộng	13.545	6.850	

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

I. Công tác chuẩn bị tổ chức thi tốt nghiệp và tuyển sinh:

1/ Về công tác tổ chức nhân sự :

a/ Đối với các kỳ thi tốt nghiệp:

- Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi theo tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo quy chế thi hiện hành.

- Điều động và phân công các cán bộ, giáo viên có đủ phẩm chất và năng lực trong toàn tỉnh tham gia phục vụ công tác coi thi, chấm thi theo đúng qui định, đảm bảo đủ và đúng số lượng cho mỗi hội đồng coi thi, chấm thi làm việc;

- Điều động cán bộ có phẩm chất và năng lực tham gia Hội đồng sao in đề thi Trung học phổ thông (THPT) và Bộ túc Trung học phổ thông (BTTHPT) đảm bảo theo đúng qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, nhà giáo được giao nhiệm vụ thực hiện công tác thi để nắm vững Quy chế thi và tuyển sinh.

- Bố trí cán bộ giám sát đến từng Hội đồng thi.

b/ Đối với tuyển sinh các lớp đầu cấp:

- Thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 do Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông làm Chủ tịch Hội đồng.

- Cử các cán bộ, giáo viên có đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn tham gia Hội đồng ra đề thi, coi thi chấm thi, phúc khảo kỳ tuyển sinh vào lớp 10.

- Bố trí cán bộ thanh tra thi đến từng Hội đồng coi thi, chấm thi. Thanh tra hồ sơ ở một số Hội đồng tuyển sinh.

2/ Về cơ sở vật chất :

a/ Đối với Hội đồng sao in đề thi tốt nghiệp THPT, BTTHPT:

- Nơi đặt Hội đồng làm đề thi phải đảm bảo tốt về an ninh, trật tự trị an.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ làm đề thi.

b/ Đối với Hội đồng coi thi:

- Nơi đặt Hội đồng coi thi phải đảm bảo tốt về an ninh, trật tự trị an; có tường rào cổng ngõ bao quanh khuôn viên nhà trường (nơi đặt hội đồng thi);

- Bố trí đầy đủ số lượng phòng thi đối với mỗi hội đồng thi theo đúng qui chế hiện hành đối với mỗi bậc học, cấp học, ngành học;

- Bố trí phòng làm việc của thường trực Hội đồng coi thi; y tế phục vụ cho kỳ thi;

- Tạo điều kiện thuận lợi về nơi ăn, ở, điều kiện, phương tiện làm việc cho cán bộ được điều động đến làm công tác thi tại Hội đồng coi thi.

c/ Đối với Hội đồng chấm thi:

- Nơi đặt Hội đồng chấm thi phải đảm bảo tốt về an ninh, trật tự trị an.

- Trang bị đủ phương tiện, các phòng cho hội đồng làm việc, cho giám khảo chấm thi.

3/ Về công tác bảo vệ kỳ thi:

Mỗi Hội đồng làm đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi đều phải bố trí đúng, đủ số lượng cán bộ, chiến sĩ công an làm công tác bảo vệ kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh trong suốt thời gian diễn ra kỳ thi theo đúng qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4/ Về kinh phí thi tốt nghiệp và tuyển sinh: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

II. Phân công trách nhiệm:

1/ Ban chỉ đạo thi của tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi toàn bộ qui trình tổ chức kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh các lớp đầu cấp, rà soát kế hoạch phục vụ kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2/ Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực có trách nhiệm tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh và Ban chỉ đạo thi về kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ công tác thi tốt nghiệp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp.

3/ Sở Tài chính có nhiệm vụ giải quyết kịp thời về kinh phí phục vụ cho công tác thi tốt nghiệp và tuyển sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4/ Công an tỉnh Quảng Ngãi có nhiệm vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác đảm bảo tuyệt đối an toàn các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt tại các Hội đồng coi thi, Hội đồng ra đề thi, Hội đồng sao in đề thi và Hội đồng chấm thi.

5/ Sở Văn hoá - Thông tin, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quy chế thi tốt nghiệp và tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng cho thí sinh, phụ huynh và các đối tượng hữu quan nhận thức rõ và tạo dư luận đồng tình với việc tổ chức kỳ thi nghiêm túc, công bằng, đánh giá đúng thực chất học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

6/ Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Ngãi tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở photocopy trong thời gian trước và trong khi thi để ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động sao chụp tài liệu làm ảnh hưởng đến công tác thi.

7/ Sở Y tế tăng cường kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh và cử cán bộ tham gia đầy đủ tại các Hội đồng coi thi.

8/ Điện lực Quảng Ngãi có kế hoạch cung cấp điện 24/24 giờ cho Hội đồng sao in đề thi, các Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi theo lịch đề nghị của ngành Giáo dục và Đào tạo.

9/ Bru điện Quảng Ngãi đảm bảo công tác thông tin liên lạc trong thời gian thi giữa các Hội đồng coi thi với các cơ quan ban, ngành có liên quan.

10/ Các cơ quan đoàn thể hữu quan có trách nhiệm theo dõi và kiểm tra các hoạt động về kỳ thi và báo cáo kịp thời với Ban chỉ đạo kỳ thi về những tình huống đột xuất cần giải quyết.

11/ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ:

+ Phối hợp và chỉ đạo thực hiện tốt các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp được tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn cho các kỳ thi.

+ Tạo điều kiện thuận lợi về nơi ăn, ở cho cán bộ coi thi, chấm thi được điều động đến địa bàn huyện, thành phố.

+ Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng liên quan xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Quy chế thi và tuyển sinh.

+ Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (nơi đặt Hội đồng thi) bảo vệ trật tự an toàn khu vực Hội đồng thi; tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân không được đến tụ tập hoặc tiếp cận khu vực tổ chức thi, không cho tổ chức bán hàng rong gần Hội đồng thi làm ảnh hưởng đến kỳ thi.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắc, các đơn vị báo cáo cho Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình UBND tỉnh xử lý kịp thời./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2006/QĐ-UBND

Ba Tơ, ngày 10 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện Ba Tơ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 75/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ.

Điều 2. Các ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình xây dựng quy chế làm việc phù hợp với Quy chế làm việc của UBND huyện để tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2004/QĐ-UB ngày 04/10/2004 của UBND huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trung Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2006/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân huyện.
2. Các thành viên Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức, cá nhân có quan hệ làm việc với Ủy ban nhân dân huyện chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân huyện

1. Ủy ban nhân dân huyện làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể Ủy ban nhân dân; đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện.
2. Giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, đúng thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân huyện và sự chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên.
3. Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ được giao một cơ quan, đơn vị, một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Cấp trên không làm thay công việc cho cấp dưới, tập thể không làm thay công việc cho cá nhân và ngược lại. Công việc được giao cho cơ quan, đơn vị thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm về công việc được giao.
4. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.

5. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, minh bạch trong mọi hoạt động theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 3. Trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân huyện

1. Ủy ban nhân dân huyện giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003. Ủy ban nhân dân huyện thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề được quy định tại Điều 124 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện.

2. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân huyện:

a) Thảo luận tập thể và quyết nghị từng vấn đề tại phiên họp Ủy ban nhân dân huyện;

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể, theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi chung là Văn phòng) gửi toàn bộ hồ sơ và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Ủy ban nhân dân huyện để xin ý kiến. Hồ sơ gửi lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân huyện áp dụng theo các quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Các quyết nghị tập thể của Ủy ban nhân dân huyện được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân huyện đồng ý. Trường hợp xin ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân huyện bằng hình thức Phiếu lấy ý kiến thì:

- Nếu vấn đề được quá nửa thành viên Ủy ban nhân dân huyện đồng ý, Văn phòng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định và báo cáo trong phiên họp Ủy ban nhân dân huyện gần nhất;

- Nếu vấn đề không được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân huyện đồng ý thì Văn phòng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc đưa ra thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 4. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là người lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân huyện, có trách nhiệm giải quyết công việc theo quy định tại Điều 126 và Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

2. Trực tiếp chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách, những vấn đề có tính chất liên ngành liên quan đến nhiều lĩnh vực, đơn vị và địa phương trong huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công một Phó Chủ tịch trong số các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm nhiệm vụ Phó Chủ tịch Thường trực; Chủ tịch quyết định điều chỉnh phân công công việc giữa các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện khi cần thiết.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực chỉ đạo công việc của Ủy ban nhân dân huyện khi Chủ tịch đi vắng; trực tiếp giải quyết công việc của Phó Chủ tịch đi vắng hoặc phân công Phó Chủ tịch khác giải quyết thay Phó Chủ tịch đi vắng.

Điều 5. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác, chỉ đạo một số cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã).

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm cá nhân về công tác của mình trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong lĩnh vực công tác được phân công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chủ động kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước về lĩnh vực được phân công;

b) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện,

quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân huyện, quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể của các cơ quan nhà nước cấp trên và đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trong việc quyết định giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch về quyết định đó;

d) Báo cáo và đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến chưa thống nhất.

4. Phó Chủ tịch Thường trực, ngoài việc thực hiện trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc đã nêu tại khoản 1, 2 và 3 của Điều này còn được Chủ tịch ủy quyền lãnh đạo công việc của Ủy ban nhân dân huyện khi Chủ tịch đi vắng.

Điều 6. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện về công việc được phân công phụ trách; đồng thời tham gia giải quyết công việc chung của Ủy ban nhân dân huyện, cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện trước Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành một hoặc một số lĩnh vực được phân công; giải quyết theo thẩm quyền và trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các đề nghị của cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân, trường hợp vắng mặt phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; tham gia ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân huyện; tham gia ý kiến với các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện để xử lý các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc các vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 7. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao trên địa bàn huyện và chịu sự kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo về công

tác chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn cấp tỉnh).

2. Chịu trách nhiệm chấp hành các quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; trường hợp thực hiện chậm hoặc chưa thực hiện được phải kịp thời báo cáo và nêu rõ lý do.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các công việc sau:

a) Giải quyết những kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến chức năng, thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện những việc vượt thẩm quyền hoặc những việc đã phối hợp giải quyết nhưng ý kiến chưa thống nhất;

b) Chủ động đề xuất, tham gia ý kiến về những công việc chung của Ủy ban nhân dân huyện và thực hiện các nhiệm vụ công tác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và sự phân cấp của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;

c) Tham gia ý kiến với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, đề án khi có những vấn đề liên quan đến chức năng, thẩm quyền, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 7 Quy chế này, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi chung là Chánh Văn phòng) còn có trách nhiệm sau:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện và các báo cáo khác của Ủy ban nhân dân huyện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân huyện thông qua và giúp Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra, đôn đốc, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân huyện với Thường trực Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cùng cấp.